TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỦA CHÙA** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HS-ST
Ngày 27-8-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỦA CHÙA, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trương Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lò Thị Dậu và bà Sùng Thị Sua
- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Thào A Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:*** ông Nguyễn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2024/TLST-HS ngày 31/7/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2024/QĐXXST- HS ngày 14/8/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lò Thị T** - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1980 tại huyện G, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố Q, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Quàng Văn I (đã chết) và bà Quàng Thị H - Sinh năm 1949; có chồng là Lò Văn T, sinh năm 1979 và có 03 con, con lớn nhất nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2011; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ từ ngày 17/4/2024 đến ngày 23/4/2024, tạm giam từ ngày 23/4/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: **Vàng A K** - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1963 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vàng Vảng T (đã chết) và bà Giàng Thị D (đã chết); Vợ: Lò Thị D1 - sinh năm 1975 (đã ly hôn); Sống chung như vợ chồng với La Thị D- Sinh năm 1973; Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ từ ngày 17/4/2024 đến ngày 23/4/2024, tạm giam từ ngày 23/4/2024 đến nay. Bị cáo có mặt.

3. Họ và tên: **La Thị D** - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1973 tại huyện T, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản H, xã M, huyện T,

tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông La Văn K (đã chết) và bà Lường Thị H (đã chết); Chồng: Sùng A Kh, sinh năm 1970 (đã ly hôn), sống chung như vợ chồng với Vàng A K - sinh năm 1963, Bị cáo có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: không; Nhân thân: chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Tạm giữ từ ngày 17/4/2024 đến ngày 23/4/2024, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo La Thị D*: bà Hà Thị Thuận- là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người phiên dịch*: Bà Lò Thị Tình - Sinh năm 1980; Nơi cư trú: Bản Bó Én, thị trấn T, huyện T, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 17/4/2024 bị cáo Vàng A K điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27Z1- 322.23 chở vợ là La Thị D từ nhà tại Bản H, xã M, huyện T đến thị trấn T. Khi đến thị trấn T, bị cáo K bảo bị cáo D cùng vào nhà bị cáo Lò Thị T trong tổ dân phố Q, thị trấn T, khi đến nhà bị cáo T bị cáo K hỏi bị cáo T là có ma túy bán không, bị cáo T bảo hiện tại không có nếu muốn mua thì bị cáo T sẽ đi mua hộ nhưng phải trả công, bị cáo K đồng ý và bảo bị cáo D đưa cho bị cáo K 200.000 đồng, sau đó bị cáo K đưa số tiền đó cho bị cáo T để mua ma túy và đưa thêm 30.000 đồng để trả công cho Thoảng, đưa xong bị cáo đi vào phía trong bếp, ngay sau đó bị cáo La Thị D cũng đưa 200.000 đồng cho bị cáo T để mua ma túy; Bị cáo T cầm tiền của bị cáo K và bị cáo D đi ra ngoài khoảng 20 phút thì quay lại và đưa cho bị cáo D 01 gói ma túy được gói ngoài bằng mảnh ni lon màu hồng và đưa cho bị cáo K 01 gói ma túy được gói ngoài bằng mảnh giấy nilon màu xanh; nhận được gói ma túy bị cáo K dùng tay cấu ra một ít ma túy để sử dụng bằng hình thức đốt hít, sử dụng xong bị cáo gói ma túy lại rồi cất vào trong chiếc ví giả da và để vào trong túi áo ngực của bị cáo, sau đó bị cáo lấy xe chở bị cáo D đi về.

Khi 02 người về đến đoạn đường thuộc thôn P, xã B, huyện T thì bị Tổ công tác Công an huyện T phát hiện bắt quả tang về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy.

Căn cứ lời khai của bị cáo K, bị cáo D, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Lò Thị T thu giữ số tiền 30.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu của Vàng A K: 01 gói được gói ngoài bằng nilon màu xanh, bên trong có 02 cục nhỏ chất bột màu hồng và 01 cục nhỏ chất bột màu trắng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu xanh-đen, biển kiểm soát 27Z1-322-23; 01 ví giả da; 01 đăng ký xe mang tên Vàng A K

- Thu của La Thị D: 01 gói nhỏ được gói ngoài bằng nilon màu hồng, bên trong có các cục chất bột màu trắng

- Thu của Lò Thị T: số tiền 30.000 đồng.

Hồi 18 giờ 45 phút ngày 17/4/2024 Cơ quan điều tra mở niêm phong, xác định khối lượng, xác định: 02 cục chất bột màu hồng thu giữ của Vàng A K có khối lượng 0,0885 gam, 01 cục chất bột màu trắng thu giữ của Vàng A K có khối lượng 0,129 gam; Các cục chất bột màu trắng thu giữ của La Thị D có khối lượng 0,3977 gam.

Kết luận giám định số 746/KL- PC09 ngày 26/4/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: vật chứng thu giữ của Vàng A K có khối lượng 0,129 gam cục chất bột màu trắng là chất ma túy: Loại Heroine; 0,0885 gam các cục chất bột màu hồng là chất ma túy: Loại Methamphetamine. Vật chứng thu giữ của La Thị D có khối lượng 0,3997 gam các cục chất bột màu trắng là chất ma túy: Loại Heroine. Hoàn lại 03 mẫu vật còn lại sau giám định gồm M1: 0,05 gam; H1: 0,08 gam; H2: 0,32 gam.

Tại Cơ quan điều tra các bị cáo Vàng A K, La Thị D khai mục đích mua ma túy là để sử dụng, bị cáo Lò Thị T có lời khai phù hợp với lời khai của bị cáo K và bị cáo D về việc bị cáo nhận tiền và đi mua ma túy cho 02 bị cáo và đã nhận của bị cáo K số tiền 30.000 đồng là tiền công đi mua ma túy.

Cáo trạng số 30/CT-VKSHTC ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Lò Thị T về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Vàng A K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; bị cáo La Thị D về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lò Thị T từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt Bị cáo Vàng A K từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy",

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo La Thị D từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy: số ma túy còn lại, 01 chiếc ví giả da và các bao bì niêm phong vật chứng; Tịch thu sung ngân sách nhà nước: số tiền 30.000 đồng thu giữ của bị cáo T, 01 chiếc xe mô tô thu giữ của bị cáo K; Đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo La Thị D nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo D, đề nghị HĐXX xem xét về điều kiện hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, không được đi học, trình độ hiểu biết pháp luật hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu nguyên nhân do ốm đau dẫn đến tàng trữ để sử dụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, trong vụ án này cả hai vợ chồng bị cáo cùng bị xét xử, bị cáo còn có 02 con nhỏ chưa thành niên đang ở nhà;

đề nghị HĐXX áp dụng cho Bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự và cho bị cáo được hưởng mức án phù hợp với hành vi của bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo Lò Thị T, Vàng A K, La Thị D khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người chứng kiến khi bắt quả tang bị cáo Vàng A K, La Thị D và thu giữ chất ma túy của hai bị cáo, kết quả khám nhà bị cáo Lò Thị T thu giữ số tiền 30.000 đồng, phù hợp với các biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong, xác định khối lượng và bản kết luận giám định chất ma túy.

Có đủ cơ sở kết luận ngày 17/4/2024 tại nhà bị cáo Lò Thị T, bị cáo T đã nhận của tiền của các bị cáo Vàng A K, La Thị D mỗi người 200.000 đồng và nhận của bị cáo K 30.000 đồng tiền công để đi mua ma túy cho hai bị cáo.

Hành vi mua 02 gói ma túy của bị cáo T có tổng khối lượng 0,6152 gam gồm Heroine và Methamphetamine để bán lại cho bị cáo K và bị cáo D mỗi người 01 gói với mục đích nhận được số tiền 30.000 đồng của bị cáo T đã cấu thành tội mua bán trái phép chất ma túy với tình tiết phạm tội "đối với hai người trở lên" được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 của Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Vàng A K, La Thị D mỗi người đã mua được của bị cáo Lò Thị T 01 gói ma túy, bị cáo K mua được 01 gói trong đó có 0,129 gam Heroine và 0,0885 gam Methamphetamine; Bị cáo La Thị D mua được 01 gói có khối lượng 0,3977 gam Heroine, mục đích các bị cáo mua để sử dụng. Hành vi mua và cất giấu trái phép 02 chất ma túy có tổng khối lượng 0,2175 gam của bị cáo Vàng A K đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự; hành vi tàng trữ 0,3977 gam Heroine của bị cáo D đã phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự,

Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, Bị cáo Lò Thị T là người trực tiếp mua 02 chất ma túy với mục đích để bán cho 02 người thu lợi bất chính số tiền 30.000 đồng, nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm về hành vi mua bán trái phép chất ma túy với số ma túy đã thu giữ được của bị cáo K và bị cáo D với tổng khối lượng là 0,6152 gam chất ma túy.

Hành vi mua và tàng trữ chất ma túy của bị cáo K và bị cáo D là độc lập, không có sự bàn bạc từ trước và không liên quan đến nhau, do đó mỗi bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của mình.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa 03 bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo K được tặng thưởng huân chương chiến sĩ vẻ vang, bị cáo D có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba, nên 02 bị cáo được hưởng tình tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội của các bị cáo, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo. Do đó đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của Cơ quan cảnh sát điều tra và qua tranh tụng tại phiên tòa cho thấy, các bị cáo không có tài sản gì giá trị; các bị cáo đều thuộc hộ nghèo, không có việc làm và thu nhập thường xuyên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu tài sản đối với các bị cáo là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về các vấn đề khác có liên quan:

Đối với người đã bán ma túy cho bị cáo T, quá trình điều tra và tại phiên tòa không xác định được họ tên, địa chỉ nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Vàng A K tại nhà của bị cáo Lò Thị T, bị cáo T không biết, quá trình điều tra không thu thập được chứng cứ, tài liệu thể hiện bị cáo T cố ý cho bị cáo K sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà. Do vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bị cáo T về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

[6] Về vật chứng:

Đối với số ma túy thu giữ của các bị cáo còn lại là vật cấm tàng trữ; 01 chiếc ví giả da, các mảnh nilon và vỏ gói niêm phong là vật không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Số tiền 30.000 đồng thu của bị cáo T là tiền thu lợi bất chính từ việc phạm tội, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn xanh đen, biển kiểm soát 27Z1- 322.23 thu giữ của bị cáo K đã làm rõ thuộc sở hữu của bị cáo, bị cáo đã sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình đều thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 251; các điểm c,i khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố:

1.1. Bị cáo Lò Thị T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Lò Thị T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2024.

1.2. Bị cáo Vàng A K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Vàng A K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/4/2024.

1.3. Bị cáo La Thị D phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo La Thị D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Khấu trừ cho bị cáo 06 ngày tạm giữ, bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm 05 (năm) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Số ma túy còn lại sau giám định đã được niêm phong gồm M1: 0,05 gam; H1: 0,08 gam; H2: 0,32 gam

+ 01 ví giả da, các mảnh nilon và vỏ gói niêm phong vật chứng.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước:

+ Số tiền 30.000 đồng (*ba mươi nghìn đồng)* thu của bị cáo Lò Thị T.

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe JUPITER, màu xanh đen, số máy E3S1E136641, số khung RLCUE1340LY098981, biển kiểm soát 27Z1-322-23 (kèm đăng ký xe mô tô mang tên Vàng A K)

Số vật chứng trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự huyện T.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Thị T, Vàng A K và La Thị D.

4. Kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/8/2024).

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện T;
- Bộ phận hồ sơ NV- CA huyện T;
- Cơ quan CSĐT CA huyện T;
- Cơ quan THAHS huyện, tỉnh;
- Sở Tư Pháp tỉnh Điện Biên;
- THADS huyện T;
- Các Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: HSVA, HSTHA.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Anh Tuấn